

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BC
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số 1099/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 12 - 2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành -Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

-Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC,Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 829/2022/HNST ngày 12 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 557/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm:1987; Địa chỉ cư trú tại Ấp BM, xã VBB, huyện VT, tỉnh KG. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Đoàn Văn M, sinh năm:1987; Địa chỉ tại Ấp M, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2022, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày: Bà và ông Đoàn Văn M chung sống vợ chồng từ năm 2008, và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110 Quyền số 01/2012 ngày 25 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.Thời gian đầu hạnh P và có 03 con chung tên Đoàn Minh T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2010; Đoàn Minh Chí T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 và Đỗ Thiên P, sinh ngày 11/11/2019, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống

không phù hợp nhau, ông M không thực sự quan tâm lo cho vợ con, mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông M không thay đổi, do đó mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, mặc dù cả hai đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay, bà đã đem con nhỏ về quê sống hơn 2 năm nay, vợ chồng ly thân không ai còn quan tâm đến ai.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Đoàn Văn M và cũng không thể hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được tòa án xử cho bà được ly hôn ông M để bà ổn định cuộc sống riêng của mỗi người làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 03 con chung tên chung tên Đoàn Minh T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2010; Đoàn Minh Chí T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 và Đỗ Thiên P, sinh ngày 11/11/2019, Hiện nay 2 trẻ lớn là T và T đang sống với ông M còn trẻ nhỏ là P đang sống cùng bà. Nay ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ P; đề nghị giao cả hai trẻ T và trẻ T giao cho ông M tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

Ngoài ra không có ý kiến gì khác

- *Bị đơn ông Đoàn Văn M:* Ông xác nhận phần trình bày của bà N là đúng sự thật vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn và hiện nay đã ly thân được một thời gian. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà N. Ông cũng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng cũng phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên ông vẫn còn thương bà N và không đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án cho đoàn tụ.

Về con chung: Có 03 con chung tên chung tên Đoàn Minh T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2010; Đoàn Minh Chí T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 và Đỗ Thiên P, sinh ngày 11/11/2019, Ông cũng thống nhất nếu ly hôn thì ông đồng ý nuôi 2 trẻ T và T và đồng ý giao trẻ P cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

Ngoài ra không có ý kiến gì khác

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông Đoàn Văn M, giữ nguyên các yêu cầu về con chung, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Văn M. Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Đoàn Văn M hiện đang cư trú tại nhà Ấp M, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị N được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110 Quyển số 01/2012 ngày 25 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Đỗ Thị N về việc ly hôn với ông Đoàn Văn M là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Đỗ Thị N tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà N và ông M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân được một thời gian dài là đã hai năm và không ai còn quan tâm đến ai như vậy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa ông M cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như bà N trình bày và đã ly thân được một thời gian, ông M cũng không đưa ra được phương hướng cụ thể khả thi nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu của bà N là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét về con chung: Có 03 con chung tên chung tên Đoàn Minh T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2010; Đoàn Minh Chí T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 và Đỗ Thiên P, sinh ngày 11/11/2019, Xét thấy tại tòa hai bên cũng thống nhất việc nuôi con là giao hai trẻ lớn T và T giao cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng và bà N nuôi trẻ P, Xét đề nghị này là căn cứ phù hợp nguyện vọng và tình trạng thực tế hiện nay và quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận ghi nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N ông M không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: bà N và ông M xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đỗ Thị N phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041780, ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị N được ly hôn với ông Đoàn Văn M

Giấy chứng nhận kết hôn số 110 Quyền số 01/2012 ngày 25 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 03 con chung tên chung tên Đoàn Minh T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2010; Đoàn Minh Chí T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 và Đỗ Thiên P, sinh ngày 11/11/2019;

Giao hai trẻ là Đoàn Minh T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2010; Đoàn Minh Chí T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 cho ông Đoàn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao trẻ Đoàn Minh T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2010 cho bà Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết;

- Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.
- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Đỗ Thị N phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0041780, ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC.
- Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị N và ông Đoàn Văn M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. BC;
- UBND xã BH, H BC;
- CCTHA DS H. BC;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Phước Trường